TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **5451**/2024/QĐST-DS	*Thành phố Thủ Đức, ngày 05 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thúy Quỳnh

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 1303/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 9462/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Dương Văn N, sinh năm 1958
Địa chỉ: số 205 L, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Bà Dương Thị Thúy H, sinh năm 1982
2/ Bà Dương Thị Thủy T, sinh năm 1984
3/ Ông Dương Tấn T, sinh năm 1989
Cùng địa chỉ: số 205 L, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố H.

5/ Ông Bùi Văn P, sinh năm 1960
6/ Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1964
Cùng địa chỉ: số 204/23/11 T, Phường B, Quận C, Thành phố H.

7/ Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1966
Địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

8/ Bà Bùi Thị Hương H, sinh năm 1969
Địa chỉ: Tổ G, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên họp)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, người yêu cầu Ông Dương Văn N trình bày*: Bà Bùi Thị H là vợ hợp pháp của Ông N, theo Giấy chứng nhận kết hôn số E, đăng ký ngày **/**/19** tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là phường L, thành phố T), Thành phố H. Quá trình chung sống, hai người có với nhau 03 người con chung gồm: Dương Thị Thúy H, sinh năm 1982; Dương Thị Thủy T, sinh năm 1984 và Dương Tấn T, sinh năm 1989.

Từ tháng 4/2011, bà H bỏ nhà đi cho đến nay không thấy trở về mặc dù gia đình đã nhiều lần cố gắng tìm kiếm thông qua nhiều cách khác nhau như thông qua người thân thích, bạn bè, v.v… nhưng vẫn không biết được tin tức của bà H. Nhận thấy bà H biệt tích đến nay đã lâu, do đó để giải quyết các thủ tục pháp lý liên quan về nhà đất, Ông N đề nghị Tòa án tuyên bố một người là đã chết đối với Bà Bùi Thị H, sinh ngày **/**/19**; địa chỉ cư trú cuối cùng: Số 205 L, Khu phố A (Tổ A1, khu phố I cũ), phường T, thành phố T, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Dương Thị Thúy H, Bà Dương Thị Thủy T, Ông Dương Tấn T, Ông Bùi Văn P, ông Bùi Ngọc Tân, ông Bùi Ngọc T và Bà Bùi Thị Hương H thống nhất trình bày:* Bà Dương Thị Thúy H, Bà Dương Thị Thủy T và Ông Dương Tấn T là con chung của Ông Dương Văn N và Bà Bùi Thị H. Còn Ông Bùi Văn P, ông Bùi Ngọc Tân, ông Bùi Ngọc T và Bà Bùi Thị Hương H là em ruột của Bà Bùi Thị H. Các ông bà đều thừa nhận những nội dung trình bày của Ông N là hoàn toàn sự thật và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ông N.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp*:

+ Về tố tụng: Tòa thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền; việc lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, giao các văn bản tố tụng, thời hạn giải quyết việc dân sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định, quyền, nghĩa vụ trong quá trình giải quyết việc dân sự.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện Bà Bùi Thị H đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2011, mặc dù gia đình đã thực hiện nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng vẫn không có được tin tức của bà H; ngày 24/10/2024 Ủy ban nhân dân phường T có công văn phúc đáp bà H có hộ khẩu tại Quận C sau đó nhập về phường T vào ngày 04/4/2011 nhưng không cư trú; xét bà H đã biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống, do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 71 Bộ luật Dân sự và các điều 391, 393 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của Ông Dương Văn N về việc tuyên bố một người là đã chết đối với Bà Bùi Thị H, sinh ngày **/**/19**; địa chỉ cư trú cuối cùng: Số 205 L, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1 Điều 78 và khoản 4 Điều 148 Bộ luật Dân sự, xác định ngày chết của bà H là ngày

05/4/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Dương Văn N có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Bà Bùi Thị H, sinh ngày **/**/19** là đã chết và bà H có địa chỉ cư trú cuối cùng tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là việc dân sự về yêu cầu tuyên bố một người là đã chết và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn mở phiên họp giải quyết việc dân sự và giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với Bà Bùi Thị H, Tòa án nhận thấy:

- Căn cứ theo tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Ông Dương Văn N là vợ hợp pháp của Bà Bùi Thị H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số E, đăng ký ngày **/**/19** tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là phường L, thành phố T), Thành phố H). Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 391 Bộ luật Tố tụng dân sự, Ông N là người có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là đã chết đối với bà H.

- Theo lời khai của người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thể hiện: Từ tháng 4/2011, bà H đã bỏ nhà đi cho đến nay không thấy trở về mặc dù gia đình đã tìm kiếm thông qua nhiều cách khác nhau như thông qua người thân thích, bạn bè, v.v… nhưng vẫn không biết được tin tức của bà H. Do đó, các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là đã chết đối với bà H theo quy định pháp luật.

Tại phần xác nhận trong Đơn xin xác nhận nơi cư trú của Ông Dương Văn N lập ngày 20/6/2024, Công an phường T, thành phố T xác nhận nội dung sau: "*Bà Bùi Thị H, sinh năm 1958 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Từ tháng 04/2011 đến nay, bà H bỏ đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu làm gì. Hiện công dân chưa làm Căn cước công dân theo quy định*".

Căn cứ vào Điều 392 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 71 Bộ luật Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết số 4841/2024/QĐ-TA ngày

02/7/2024 đối với Bà Bùi Thị H và đăng thông báo tìm kiếm trên cổng thông tin điện tử của Tòa án, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: Đăng trên báo Thanh niên ba số liên tiếp số 187 (10404) ngày 05/7/2024, số 188 (10405) ngày 06/7/2024 và số 189 (10406) ngày 07/7/2024, phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam các khung giờ từ 06h30 đến 07h00 và từ 14h30 đến 15h00 các ngày 15,16 và 17/7/2024 nhưng đến nay đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo đầu tiên vẫn không có tin tức gì về bà H.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, bà H đã biệt tích hơn 10 năm và không có tin tức xác thực là còn sống. Do đó, Ông N yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là đã chết đối với bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1 Điều 78 và khoản 4 Điều 148 Bộ luật Dân sự , xác định ngày có tin tức cuối cùng của bà H là ngày 04/4/2011 nên ngày chết của bà H được xác định là ngày tiếp theo của ngày kết thúc thời hạn 05 (năm) năm từ ngày biết được tin tức cuối cùng. Như vậy, xác định ngày chết của bà H là ngày 05/4/2016.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Ông N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; các điều 143, 149, 367, 370, 371, 372, 391 và Điều 393 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 68; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 71; Điều 72; điểm d khoản 1 Điều 78 và khoản 4 Điều 148 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ông Dương Văn N.

Tuyên bố: Bà Bùi Thị H, sinh ngày **/**/19**; nơi đăng ký thường trú và cư trú cuối cùng: Số 205 L, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố H là đã chết.

Ngày chết của Bà Bùi Thị H được xác định là ngày 05/4/2016.

2. Khi quyết định của Tòa án tuyên bố một người là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của người đó được giải quyết như đối với người đã chết. Quan hệ tài sản của người bị Tòa án tuyên bố là đã chết được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của người

đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Dương Văn N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí và lệ phí Tòa án.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (Mười) ngày và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thúy Quỳnh